TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 21/02/2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh

2. Ông Lê Quang Thanh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 787, Tổ 16, Ấp TH, xã T3, thành phố C, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Ngọc M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 61, Tổ 73, khóm MT, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Phan Thị L có mặt, chị Đinh Thị Ngọc M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/02/2023, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Vào ngày 30/12/2021, chị Đinh Thị Ngọc M có đến nhà bà L hỏi vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà L có đồng ý cho chị M vay số

tiền trên và chị M có làm giấy mượn bà L số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 30/12/2021, thời hạn trả bà L không có ghi trong giấy mượn tiền, hai bên chỉ thỏa thuận miệng là 10 ngày kể từ ngày 30/12/2021 đến ngày 10/01/2022 nhưng khi đến thời hạn trả tiền thì chị M không có tiền trả và xin bà L gia hạn thêm 05 ngày. Sau 05 ngày, bà L tìm gặp chị M để yêu cầu chị M trả nợ nhưng chị M vẫn không trả cho bà L số tiền đã vay.

Sau nhiều lần bà L yêu cầu chị M trả tiền nhưng chị M vẫn cố tình tránh né không trả nên bà L đã đến tổ hòa giải khóm MT giải quyết. Tại đây, chị M đã đồng ý trả nợ cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi nào hết nợ, thời gian trả nợ tính từ ngày 15/6/2022. Nhưng đến thời hạn trả nợ chị M vẫn tiếp tục trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đinh Thị Ngọc M trả số tiền vay: Tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/01/2022 đến ngày 15/6/2022 là 20.000.000 đồng x 1%/tháng x 5 tháng = 1.000.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng), yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định của pháp luật đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên họp ngày 13/12/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/02/2023, bà Phan Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L chỉ yêu cầu chị Đinh Thị Ngọc M trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Đinh Thị Ngọc M: Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đinh Thị Ngọc M nhưng chị M không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng, về tiền lãi: do bà L không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Đinh Thị Ngọc M có địa chỉ tại Tổ 73, khóm MT, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Đinh Thị Ngọc M nhưng chị Đinh Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với việc bà Phan Thị L yêu cầu bị đơn Đinh Thị Ngọc M trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/02/2023, bà Phan Thị L giữ nguyên lời trình bày về việc chị Đinh Thị Ngọc M có vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng, khi vay chị M có viết giấy mượn tiền. Từ khi vay đến nay chị M chưa thanh toán cho bà L khoản tiền nào nên bà L khởi kiện yêu cầu chị M trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng. Bà L xác nhận cô 5 được nêu trong giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 là bà Phan Thị L, do chị M quen với cháu của bà L mà cháu của bà L gọi bà L là cô 5 nên chị M cũng gọi bà L là cô 5 và khi viết giấy mượn tiền chị M ghi là mượn cô 5. Người mượn tiền Đinh Thị Ngọc M trong giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 chính là Đinh Thị Ngọc M có địa chỉ tại số 61, Tổ 73, Khóm MT, Phường B, thành phố C mà bà L đang khởi kiện.

Hội đồng xét xử nhận định, theo giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2021 thể hiện nội dung "Tôi tên: Đinh Thị Ngọc M sn 1988 Chỗ ở hiện nay số 61, đường Ngô Huyền có mượn cô 5 số tiền: 20.000.000 2chục triệu đồng vào ngày 30/12/2021". Căn cứ vào lời xác nhận của ông Trần Văn H – Phó Ban nhân dân Khóm MT, Phường B, thành phố C tại Biên bản làm việc ngày 12/12/2022 và biên bản hòa giải ngày 06/5/2022 tại Ban nhân dân Khóm MT, Phường B, thành phố C có cơ sở xác định "cô 5" trong giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2021 là bà Phan Thị L, còn "Đinh Thị Ngọc M sn 1988 Chỗ ở hiện nay số 61, đường Ngô Huyền" là chị Đinh Thị Ngọc M, sinh năm 1988, có địa chỉ tại Số 61, Tổ 73, Khóm MT, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Tại buổi hòa giải ngày 06/5/2022 tại Ban nhân dân Khóm MT, chị Đinh Thị Ngọc M thừa nhận có nợ bà

Phan Thị L số tiền 20.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2021, giấy mượn tiền do chị M viết và ký tên. Chị M và bà L thống nhất mỗi tháng chị M trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng tính từ ngày 15 tây tháng 6 năm 2022 nhưng từ ngày 06/5/2022 đến nay chị M không trả tiền cho bà L theo sự thỏa thuận của hai bên.

Như vậy, việc chị Đinh Thị Ngọc M có vay của bà Phan Thị L số tiền 20.000.000 đồng là có thật và việc chị M không thực hiện việc trả tiền cho bà Phan Thị L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với bị đơn Đinh Thị Ngọc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác. Tuy nhiên, chị M không cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến hay tài liệu chứng cứ thể hiện việc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS năm 2015: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."*

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định bà Phan Thị L yêu cầu chị Đinh Thị Ngọc M trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc chị M trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn Phan Thị L không yêu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp như đã nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị L nên bị đơn Đinh Thị Ngọc M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc yêu cầu chị Đinh Thị Ngọc M trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Buộc chị Đinh Thị Ngọc M có nghĩa vụ phải trả cho bà Phan Thị L số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.00.000 đồng (Một triệu đồng).

Bà Phan Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Cẩm Hừng